

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



ĐỀ ÁN
TUYỂN SINH NĂM 2020

Hà Nội: 06/2020

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2020

I. Thông tin chung:

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường:

- Tên tiếng Việt: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
- Tên tiếng Anh: University of Economics - Technology for Industries
- Tên viết tắt: UNETI
- Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp có 2 cơ sở và 4 địa điểm đào tạo:

Cơ sở Nam Định:

- + Số 353 Trần Hưng Đạo, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định;
- + Khu xưởng thực hành, xã Mỹ Xá, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định.

Cơ sở Hà Nội:

- + Số 454 - 456 Phố Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;
- + Số 218 Lĩnh Nam, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

- Quá trình hình thành và phát triển: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 1206/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp I, tiền thân là Trường Trung cấp Kỹ thuật III, được thành lập năm 1956. Với bề dày truyền thống 64 năm xây dựng và phát triển, đến nay Nhà trường đã đào tạo cho đất nước trên 185.000 cán bộ trình độ đại học, cao đẳng, TCCN có chất lượng cao và trở thành một địa chỉ đào tạo uy tín trong cả nước.

- Sứ mệnh: Đào tạo nguồn nhân lực trình độ chuyên môn cao, có khả năng ứng dụng nghề nghiệp sát với thực tiễn trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành Công Thương và của cả nước.

- Giá trị cốt lõi: Phát triển bền vững, coi trọng chất lượng, hiệu quả, luôn tự đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội. Tạo môi trường thuận lợi để mọi người yên tâm công tác lâu dài, phát huy tài năng, tính sáng tạo. Mang lại cho người học môi trường học tập, nghiên cứu tiên tiến để nâng cao kiến thức, phát triển kỹ năng, sáng kiến lập nghiệp, cạnh tranh được về việc làm và cơ hội học tập trong môi trường quốc tế. Coi trọng chất lượng, hiệu quả, phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Thành tích: Nhà trường đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng Huân chương Hồ Chí Minh năm 2016, 02 Huân chương Độc lập hạng Nhất năm 2005 và năm 2011; các Bộ, Ban ngành Trung ương và địa phương tặng nhiều phần thưởng cao quý khác.

- Tầm nhìn phát triển: Đến năm 2030 là trường đại học hiện đại, định hướng ứng dụng; có môi trường văn hóa thân thiện, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về kiểm định chất

lượng. Nhà trường tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung ứng dịch vụ về lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật có chất lượng, uy tín trong và ngoài nước; từng bước tiến đến đại học định hướng nghiên cứu.

- Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo thông qua công tác kiểm định chất lượng chương trình đào tạo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được lãnh đạo Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện trong những năm qua. Tính đến thời điểm hiện tại, ngoài đạt chuẩn kiểm định cơ sở đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường đã có 06 chương trình đào tạo trình độ đại học ngành: Quản trị Kinh doanh, Kế toán và Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và Tài chính - Ngân hàng được công nhận đạt chuẩn theo quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Có 03 chương trình đào tạo ngành: Công nghệ dệt, may; Công nghệ thông tin và Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông cũng đã hoàn thành việc khảo sát đánh giá ngoài, đang trong thời gian thẩm định và chờ cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn theo quy định.

TT	Tên cơ sở/chương trình đào tạo được công nhận kiểm định	Mã ngành đào tạo	Số QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Ngày QĐ công nhận kiểm định chất lượng
I	Kiểm định cơ sở giáo dục đại học			
1	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	DKK	94/QĐ-KĐCLGD	29/06/2018
II	Kiểm định chương trình đào tạo			
1	Công nghệ thực phẩm	7540101	38/QĐ-KĐCLGD	24/04/2020
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	40/QĐ-KĐCLGD	24/04/2020
3	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	26/QĐ-KĐCLGD	06/03/2020
4	Kế toán	7340301	25/QĐ-KĐCLGD	06/03/2020
5	Tài chính - Ngân hàng	7340201	39/QĐ-KĐCLGD	24/04/2020
6	Quản trị kinh doanh	7340101	24/QĐ-KĐCLGD	06/03/2020
7	Công nghệ thông tin	7480201	Đã hoàn thành khảo sát đánh giá ngoài đang trong thời gian chờ thẩm định và cấp Giấy chứng nhận	
8	Công nghệ dệt, may	7540204		
9	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302		

2. Quy mô đào tạo chính quy đến ngày 31/05/2020:

TT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo			Tổng
		Khối ngành III	Khối ngành V	Khối ngành VII	
I.	Chính quy	0	13	0	13
1	Sau đại học	0	13	0	13
1.1	Tiến sĩ	0	0	0	
1.2	Thạc sĩ	0	13	0	13
1.2.1	Công nghệ thực phẩm		13		13
2	Đại học	6.586	7.378	69	14.033
2.1	Chính quy	6.586	7.378	69	14.033
2.1.1	<i>Các ngành đào tạo trừ ngành đào tạo ưu tiên</i>	6.586	5.782		12.368
2.1.1.1	Quản trị kinh doanh	1.970			1.970
2.1.1.2	Kinh doanh thương mại	274			274
2.1.1.3	Tài chính - Ngân hàng	822			822
2.1.1.4	Kế toán	3.520			3.520
2.1.1.5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí		799		799
2.1.1.6	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử		259		259
2.1.1.7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		979		979
2.1.1.8	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông		555		555
2.1.1.9	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá		896		896
2.1.1.10	Công nghệ thực phẩm		494		494
2.1.1.11	Công nghệ dệt, may		1.697		1.697
2.1.1.12	Ngôn ngữ Anh			69	69
2.1.1.13	Công nghệ sợi, dệt		103		103
2.1.2	<i>Các ngành đào tạo ưu tiên</i>		1.596		1.596
2.1.2.1	Công nghệ thông tin		1.501		1.501
2.1.2.2	Mạng máy tính và TTDL		95		95

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất:

Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất:

* Năm 2018:

- Tuyển sinh thạc sĩ ngành Công nghệ thực phẩm bằng hình thức thi tuyển.

- Nhà trường tuyển sinh đại học hệ chính quy theo 2 phương thức:

Phương thức 1: Dành 70% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh được xác định để xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia.

Phương thức 2: Dành 30% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh được xác định để xét tuyển kết quả học bạ THPT.

* Năm 2019:

- Tuyển sinh thạc sĩ ngành Công nghệ thực phẩm bằng hình thức thi tuyển.
- Nhà trường tuyển sinh đại học hệ chính quy theo 2 phương thức:

Phương thức 1: Dành 70% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh được xác định để xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia.

Phương thức 2: Dành 30% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh được xác định để xét tuyển kết quả học bạ THPT.

Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất:

Theo hình thức xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia:

Khối ngành/Nhóm ngành	Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1		
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành III	775	757		1.110	934	
<i>Kế toán</i>	350	368	16.5	538	413	15.5
<i>Quản trị kinh doanh</i>	200	217	16.75	280	321	16.75
<i>Tài chính - Ngân hàng</i>	175	123	15.75	231	125	15
<i>Kinh doanh thương mại</i>	50	49	16.5	61	75	16.75
Nhóm ngành V	525	588		1.059	1.044	
<i>Công nghệ sợi, dệt</i>	25	13	15.0	32	6	15
<i>Công nghệ dệt, may</i>	50	47	18.5	140	185	17.5
<i>Công nghệ thực phẩm</i>	90	57	16.5	53	32	15.5
<i>Công nghệ thông tin</i>	50	97	18.5	168	272	18.5
<i>CNKT điều khiển và TĐH</i>	50	75	18.0	84	151	18.25
<i>CNKT điện, điện tử</i>	50	64	17.75	88	110	17.5
<i>CNKT điện tử - viễn thông</i>	70	82	16.25	144	50	15.5
<i>CNKT cơ khí</i>	70	65	17.25	140	110	16
<i>Mạng máy tính và TTDL</i>	35	22	15.5	34	29	16.5
<i>CNKT cơ điện tử</i>	35	66	15.75	76	99	16
Nhóm ngành VII	0	0		20	44	
<i>Ngôn ngữ Anh</i>	0	0	0	20	44	15.5
Tổng	1.300	1.345		2.189	2.022	

Theo hình thức xét kết quả học bạ THPT:

Khối ngành/Nhóm ngành	Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành III	345	640		475	549	
<i>Kế toán</i>	150	306	19.5	230	250	19
<i>Quản trị kinh doanh</i>	100	206	20.0	120	175	20.5
<i>Tài chính - Ngân hàng</i>	75	76	18.5	99	71	18.5
<i>Kinh doanh thương mại</i>	20	52	19.0	26	53	19
Nhóm ngành V	215	440		457	609	
<i>Công nghệ sợi, dệt</i>	10	7	18.0	14	3	18
<i>Công nghệ dệt, may</i>	20	45	22.5	60	140	21.5
<i>Công nghệ thực phẩm</i>	35	29	18.5	66	25	18
<i>Công nghệ thông tin</i>	20	37	23.5	72	117	21.5
<i>CNKT điều khiển và TĐH</i>	20	50	22.5	36	55	21.5
<i>CN kỹ thuật điện, điện tử</i>	20	34	22.5	38	58	21
<i>CNKT điện tử - viễn thông</i>	30	80	19.0	62	39	18
<i>Công nghệ kỹ thuật cơ khí</i>	30	87	20.0	60	80	19.5
<i>Mạng máy tính và TTDL</i>	15	21	19.0	16	28	19
<i>CN kỹ thuật cơ điện tử</i>	15	50	19.0	33	64	19
Nhóm ngành VII	0	0		10	25	
<i>Ngôn ngữ Anh</i>	0	0		10	25	18.5
Tổng	560	1.080		942	1.183	

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 290.736,5 m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên có 500 chỗ với diện tích 2.276 m²
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính

trên một sinh viên chính quy:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích
----	------------	----------	-----------

			sàn xây dựng (m²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	428	53515
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3	2855
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	80	13720
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	199	23397
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	5	382
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	141	13161
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	11	3480
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	85	12349

Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ ngành/khối ngành đào tạo
1	Phòng thí nghiệm đánh giá chất lượng sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Tủ lạnh - Máy ly tâm - Máy phân tích cấu trúc - Máy lắc - Máy đo độ nhớt - Cân phân tích - Máy đo pH - Tủ sấy - Các loại dụng cụ pha chế, thí nghiệm 	Khối ngành V
2	Phòng thí nghiệm quá trình và thiết bị	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị sấy - Máy lọc - Hệ thống chung cất - Thiết bị cô chân không - Bơm chân không 	Khối ngành V
3	Phòng thí nghiệm vi sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Máy so màu UV/Vis - Máy khuấy từ gia nhiệt - Tủ cấy vô trùng - Nồi hấp vô trùng - Tủ sấy Memmert - Tủ ẩm Memmert - Kính hiển vi - Máy lắc ổn nhiệt 	Khối ngành V

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ ngành/khối ngành đào tạo
		<ul style="list-style-type: none"> - Máy đếm khuẩn lạc - Dụng cụ thí nghiệm 	
4	Phòng thí nghiệm hoá sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Máy cất đạm - Bộ phá mẫu - Bộ chiết Shoclet - Cân phân tích - Máy so màu UV/Vis - Máy ly tâm - Máy khuấy từ - Máy đo pH - Dụng cụ thí nghiệm - Máy đo độ nhớt - Bếp điện 	Khối ngành V
5	Phòng thí nghiệm hóa cơ bản	<ul style="list-style-type: none"> - Máy cất nước - Máy đo pH - Cân phân tích - Tủ sấy - Tủ nung - Bếp điện - Dụng cụ thí nghiệm 	Khối ngành V
6	Phòng thí nghiệm Nhuộm	<ul style="list-style-type: none"> - Máy CPU- compact (Thanh lý 2012)- Màn hình-compact(Thanh lý 2012) - Đầu đo Monitor - Nhật(Thanh lý 2012)- Máy Scanner - Nhật(Thanh lý 2012) - Máy in màu phun - Epson(Thanh lý 2012)- Máy nhuộm. 	Khối ngành V
7	Phòng thí nghiệm Dệt - Sợi	<ul style="list-style-type: none"> - Guồng điện tử xác định chỉ số sợi - Cân điện tử - Máy xác định độ săn sợi đơn - Máy xác định độ săn sợi xe - Máy xác định chiều dài cúi và sợi thô - Máy xác định độ bền mài mòn 6 vị trí,.. 	Khối ngành V
8	Thực hành Quản trị chất lượng; Quản trị nhân lực; Quản trị sản xuất; Quản trị tài chính; Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> - Máy tính kết nối mạng Internet, máy chiếu, các phần mềm, bảng biểu, sơ đồ ...vv 	Khối ngành III

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ ngành/khối ngành đào tạo
	Marketing; Tin ứng dụng quản trị kinh doanh; Quản trị bán hàng; Quản trị hành chính văn phòng		
9	Phòng thực hành chuyên đề TCNH	<ul style="list-style-type: none"> - Máy tính nối mạng; - Tivi; - Phần mềm SPSS phân tích và xử lý số liệu; - Các bộ số liệu của doanh nghiệp để phân tích tài chính doanh nghiệp, phân tích chứng khoán, ngân hàng. 	Khối ngành III
10	Phòng thực hành máy ngành TCNH	<ul style="list-style-type: none"> - Máy tính nối mạng; - Phần mềm kê khai thuế, phần mềm nghiệp vụ ngân hàng, thanh toán quốc tế; - Bộ số liệu thực tế của doanh nghiệp và ngân hàng dùng thực hành nghiệp vụ tài chính - ngân hàng. 	Khối ngành III
11	Phòng thực hành tài chính ngân hàng thủ công	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng biểu quy trình thực hành các phần hành của ngành tài chính ngân hàng, - Bảng biểu, sổ sách chứng từ liên quan nghiệp vụ thuế, thanh toán quốc tế, ngân hàng, sổ sách chứng từ liên quan,... 	Khối ngành III
12	Phòng máy thực hành tin ứng dụng kế toán (Số lượng : HN 14 phòng + NĐ 2 phòng)	<ul style="list-style-type: none"> - 650 máy tính - Cài đặt phần mềm kế toán Misa và Fast Accounting - Bảng đa năng: 01 chiếc/phòng - Tivi: 01 chiếc/phòng 	Khối ngành III
13	Phòng thực hành kế toán ảo	<ul style="list-style-type: none"> - Máy tính chiếc kết nối mạng - Máy chiếu- Màn hình tivi- Micro + hệ thống loa- Hệ thống chứng từ kế toán in A0- Hệ thống mẫu sổ kế toán chi tiết in A0- Hệ thống mẫu sổ kế toán tổng hợp in 	Khối ngành III
14	Phòng đo kiểm đánh giá chất lượng sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Máy quét laser - Phần mềm xử lý dữ liệu quét Geomagic 3D System - Máy đo độ nhám bề mặt Hoffmann - Bộ dụng cụ đo kiểm hình dạng hình học Hoffmann - Bàn máp tiêu chuẩn - Máy kiểm tra độ cứng kiểu ROCK,... 	Khối ngành V

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ ngành/khối ngành đào tạo
15	Phòng thực hành kỹ thuật CAD/CAM/CAE	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ điều khiển và Phần mềm lập trình Siemens - Phần mềm CAD/CAM/CAE Topsolid bản quyền - Bộ máy tính PC và mạng LAN (hỗ trợ 20 bản cài đặt phần mềm bản quyền license 1 năm), có thể cài thêm nhiều phần mềm thiết kế CAD/CAM,... 	Khối ngành V
16	Phòng thực hành truyền thông tiên tiến	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống phần mềm mô phỏng mạng 4G-LTE - Hệ thống phần mềm mô phỏng các dịch vụ Viễn thông - Bộ Router/Switch - Bộ Modem/Router wifi - Client computer phục vụ thực hành cho sinh viên - Person Computer dùng làm máy chủ,... 	Khối ngành V
17	Phòng thực hành viễn thông	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống thực hành thu phát truyền dẫn - Hệ thống thí nghiệm Antena - Hệ thống thực hành thông tin quang - Hệ thống thí nghiệm thông tin quang - Hệ thống thực hành tổng đài số - Bộ tổng đài điện thoại KTS,... 	Khối ngành V
18	Phòng thực hành Vi xử lý-Vi điều khiển	<ul style="list-style-type: none"> - Mô modul thực hành vi xử lý- vi điều khiển - Mạch nạp và máy tính lập trình - Máy hàn xung - Máy hàn hơi - Đồng hồ đa năng - Bàn thực hành đa năng - Tủ đa ngăn lưu trữ thiết bị và linh kiện 	Khối ngành V
19	Phòng thực hành Điện tử số	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ modul thực hành điện tử số đơn năng - Bộ thực hành công điện tử số đa năng - Đồng hồ đa năng - Máy hàn hơi - Bộ nguồn một chiều - Bàn thực hành đa năng - Tủ đa ngăn lưu trữ thiết bị và lin 	Khối ngành V
20	Phòng thực hành Điện tử tương tự	<ul style="list-style-type: none"> - Máy hiện sóng Osilloscop dạng số - Máy hàn xung - Đồng hồ đa năng - Bộ nguồn một chiều 	Khối ngành V

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ ngành/khối ngành đào tạo
		<ul style="list-style-type: none"> - Modul thực hành bộ tương tự - Bàn thực hành đa năng - Tủ đa ngăn lưu trữ thiết bị và linh kiện 	
21	Phòng thực hành SCADA	<ul style="list-style-type: none"> - Tủ máy tính cho Hệ thống giám sát điều khiển SCADA để giám sát, cảnh báo, vận hành tự động - Tủ PLC - Mô hình điều khiển lưu lượng - Mô hình điều khiển nhiệt độ - Mô hình điều khiển áp suất 	Khối ngành V
22	Phòng thực hành Vi điều khiển và ứng dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ KIT kiểm nghiệm thiết kế. - Bộ thực hành điều khiển động cơ điện ứng dụng Vi điều khiển: - Động cơ bước: điện áp định mức 5V, dòng điện định mức 1,5A, độ phân giải 1,8 độ/bước - Động cơ DC ser 	Khối ngành V
23	Phòng thực hành Điều khiển lập trình PLC	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn thực hành PLC S7 - 300 SIEMENS - Modul điều khiển phân loại sản phẩm - Modul điều khiển thang máy 3 tầng - Modul điều khiển đèn giao thông - Modul khởi động sao/ tam giác ĐKB - Modul Log 	Khối ngành V
24	Phòng thực hành Điều khiển khí nén	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ thực hành khí nén cơ bản - Bộ thực hành điện - khí nén cơ bản - Bộ thực hành điện - khí nén trình độ nâng cao - Bộ thực hành thủy lực cơ bản - Bộ thực hành điện - thủy lực cơ bản - Bộ thực hành BLC điều khiển hệ thống khí nén và thủy lực,.. 	Khối ngành V
25	Phòng thực hành Truyền động điện	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn thí nghiệm sử dụng biến tần Micro Master - Động cơ để cho biến tần điều khiển, loại 0.25KW - Bàn thực hành truyền động động cơ điện một chiều - Bàn thực hành truyền động động cơ điện xoay chiều 	Khối ngành V
26	Phòng thực hành Điện tử công suất	<ul style="list-style-type: none"> - Module phát xung điều khiển. - Module chỉnh lưu điều khiển 1 pha. - Module đảo chiều động cơ 1 pha. - Module phát xung điều khiển 	Khối ngành V

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ ngành/khối ngành đào tạo
		<p>động cơ 1 chiều.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Module điều chỉnh điện áp trực tiếp bằng thủy lực,... 	
27	Phòng thực hành Trang bị điện	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ hình thực hành trang bị điện máy khoan cầm - Bộ hình thực hành trang bị điện máy tiện - Bộ hình thực hành trang bị điện máy phay vạn năng - Bộ hình thực hành trang bị điện máy nâng hạ - Bộ thực hành trang bị điện máy doa,.. 	Khối ngành V
28	Phòng thực hành Máy điện	<ul style="list-style-type: none"> - Máy phát xoay chiều một pha sử dụng nam châm vĩnh cửu - Máy phát một chiều sử dụng nam châm vĩnh cửu - Máy phát một chiều dây quấn song song kích từ độc lập sử dụng cuộn kích từ - Máy phát một chiều,... 	Khối ngành V
29	Phòng thực hành Đo lường-Cảm biến	<ul style="list-style-type: none"> - Modul thí nghiệm cảm biến - Đồng hồ đa năng điện tử - Đồng hồ đa năng cơ- điện - Ampe-kìm - Cầu đo R-L-C - Osilloscope - Máy phát tần - Bộ tải R-L-C - Modul nguồn 24VDC - Modul cảm biến tiệm cận điện cảm,... 	Khối ngành V
30	Phòng thực hành Điện Cơ Bản	<ul style="list-style-type: none"> - Đồng hồ VOM- Ampe kế, - Vôn kế- Đồng hồ vạn năng - Động cơ 1 pha - Động cơ 3 pha - Máy 1 biến áp - Máy 3 biến áp - Công tắc tơ - Ampe kìm đo dòng dò - VOM/DVOM- Đồng hồ đo điện 	Khối ngành V
31	Phòng thực hành Mạng công nghệ cao	<ul style="list-style-type: none"> - Máy chủ - Máy vi tính để bàn - Thiết bị lưu điện dành cho máy chủ - Thiết bị đo thông lượng mạng 	Khối ngành V

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ ngành/khối ngành đào tạo
		<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị thu phát sóng không dây - Hệ thống lưu trữ - Tủ mạng 42U-D1000 - Thiết bị bảo vệ mạng,... 	
32	Phòng thực hành Công nghệ đa phương tiện	<ul style="list-style-type: none"> - Máy chủ - Máy vi tính để bàn - Thiết bị lưu điện dành cho máy chủ - Thiết bị đo thông lượng mạng - Thiết bị thu phát sóng không dây - Hệ thống lưu trữ - Tủ mạng 42U-D1000 - Dây cáp mạng - Thiết bị bảo vệ mạng,... 	Khối ngành V
33	Các phòng thực hành máy tính	<ul style="list-style-type: none"> - Máy tính - Máy chủ - Hệ thống thiết bị mạng 	Khối ngành III/ Khối ngành V
34	Phòng thực hành Công nghệ chế biến	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị gia nhiệt cách thủy - Tủ nướng - Tủ âm - Tủ sấy - Tủ lạnh - Nồi hấp tiệt trùng - Bếp điện - Máy ly tâm - Máy nhào - Máy nghiền - Máy khuấy - Máy dập nút - Thiết bị lên men 	Khối ngành V
35	Phòng thực hành thời trang	<ul style="list-style-type: none"> - Máy 1 kim. - Máy vắt sô. - Manơcanh nam, nữ. - Bàn là các loại. 	Khối ngành V
36	Phòng thực hành tin học ngành may	<ul style="list-style-type: none"> - Máy tính cài phần mềm Gerber và Vittcher (màn + CPU). - Máy vẽ tỷ lệ 1:1 	Khối ngành V

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ ngành/khối ngành đào tạo
		- Bàn số hóa.	
37	Phòng thực hành may	<ul style="list-style-type: none"> - Máy may 1 kim - Máy vắt sổ - Máy may 2kim - Máy trần dề - Máy trần chun - Máy đính cúc - Máy đính bọ - Máy thừa khuy - Máy cuốn ống - Máy cắt - Máy ép - Máy ghim xén - Hệ thống là hơi 	Khối ngành V
38	Phòng thực hành tin ứng dụng ngành sợi - dệt	<ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm thiết kế vải TRI - Phần mềm Coreldraw - Phần mềm đo màu 	Khối ngành V
39	Xưởng thực hành sản xuất mạch in	<ul style="list-style-type: none"> - Máy phay đường mạch - Thiết bị mạ lỗ - Bàn chụp UV - Bàn kiểm tra chất lượng - Hệ thống bể kép ăn mòn và trung hòa - Máy in phim - Máy cán phim 	Khối ngành V
40	Xưởng thực hành CNC	<ul style="list-style-type: none"> - Máy phay CNC Xmill 640 - Máy tiện CNC CLK6140D/2 - Máy cắt dây CNC DEM 320A - Máy phay CNC Xmill 900L - Máy mài phẳng CNC ESG-63CNC - Máy mài phẳng HFS 2550B C 	Khối ngành V
41	Xưởng thực hành cắt gọt	<ul style="list-style-type: none"> - Máy tiện T18A - Máy bào ngang B365 - Máy phay đứng NSM – VA 9300 - Máy khoan cần K525 - Máy phay Knuth Servomill 700 - Máy tiện Knuth Basic 180 Super 	Khối ngành V

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ ngành/khối ngành đào tạo
		- Máy khoan cần Knuth R40V - Máy khoan cần loại nhỏ	
42	Xưởng hàn	- Cabin hàn theo tiêu chuẩn - Máy cắt phôi - Máy hàn CO2 Junior 283 - Máy hàn hồ quang tay - Máy cắt plasma Postech-71P - Máy hàn MIG/MAG EP-350M - Máy hàn TIG ASEA-200TIG - Dụng cụ cắt bán tự động	Khối ngành V
43	Xưởng nguội	- Máy khoan bàn loại vừa DRILL PRESS - Máy cắt plasma Postech-71P - Máy cắt phôi - Bàn nguội tiêu chuẩn - Bàn mấp loại vừa và nhỏ - Bộ dụng cụ kiểm tra sai lệch hình dạng hình học - Dụng cụ thực hành nguội	Khối ngành V
44	Phòng đa năng	- Máy tính cài đặt phần mềm chuyên dụng - Máy chủ - Hệ thống thiết bị mạng	Khối ngành VII
45	Phòng thực hành ngành Công nghệ dệt, may thời trang	- Phòng thực hành Thiết kế thời trang - Phòng thực hành tin học ngành may - Phòng thực hành Công nghệ may - Phòng thực hành Thiết kế mẫu	Khối ngành V

Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1.	Khối ngành III	17.463
2.	Khối ngành V	12.448
3.	Khối ngành VII	2.637
	Cộng	32.548

Ghi chú: Tổng số đầu sách là: 12.676 với 61.323 cuốn sách các loại

Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh:

Phụ lục 1 đính kèm.

Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh: Phụ lục 2 đính kèm.

III. Thông tin tuyển sinh năm 2020:

1. Tuyển sinh trình độ thạc sĩ

Tuyển sinh trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ thực phẩm:

Chỉ tiêu tuyển sinh: 20 chỉ tiêu.

Đối tượng và điều kiện dự thi: Là công dân nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau:

- Về văn bằng:
- + Đã tốt nghiệp đại học ngành: Công nghệ thực phẩm; Kỹ thuật thực phẩm.
- + Đã tốt nghiệp đại học ngành gần như: Công nghệ sinh học; Kỹ thuật sinh học; Công nghệ sau thu hoạch; Công nghệ chế biến thủy, hải sản,... Trường hợp này thí sinh phải học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự thi:

TT	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1	Kỹ thuật thực phẩm	3(40,10,0,90)

- + Đã tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp như: Hóa dược, Môi trường, Kỹ thuật hóa học, Hóa hữu cơ, hóa dầu,... Trường hợp này thí sinh phải học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự thi. Các học phần thí sinh phải học bổ sung kiến thức bao gồm:

TT	Các học phần bổ sung	Số tín chỉ
1	Kỹ thuật thực phẩm	3(40,10,0,90)
2	Dinh dưỡng	2(27,6,0,60)
3	Vi sinh vật thực phẩm	2(27,6,0,60)

- + Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Về kinh nghiệm công tác chuyên môn: Các thí sinh tốt nghiệp đại học cùng ngành hoặc ngành gần Công nghệ thực phẩm được phép dự thi ngay sau khi tốt nghiệp. Trường hợp thí sinh có bằng tốt nghiệp ngành phù hợp khác đăng ký dự thi phải có tối thiểu 2 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi;

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

- Có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT, Chủ tịch HĐTS sẽ xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học;

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

Hình thức tuyển sinh: Nhà trường tổ chức thi tuyển bao gồm 3 môn thi:

- Môn 1: Tiếng Anh; các trường hợp sau được miễn thi môn tiếng Anh:
- + Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

+ Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

+ Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Anh;

+ Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ được quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 27 Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ GD&ĐT;

HĐTS Nhà trường sẽ thẩm định và thông báo cho thí sinh trước khi thi nếu đảm bảo các điều kiện theo quy định.

- Môn 2: Toán cao cấp;

- Môn 3: Hóa sinh.

Đối tượng và chính sách ưu tiên:

- Đối tượng ưu tiên:

+ Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

+ Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

+ Con liệt sĩ;

+ Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

+ Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

+ Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

- Mức ưu tiên: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định của Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ của Bộ GD&ĐT và cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi.

Kế hoạch tuyển sinh và đào tạo:

- Thời gian nộp hồ sơ đăng ký dự thi dự kiến: Từ 01/06/2020 đến 01/08/2020;

- Thời gian tổ chức ôn thi, học bổ sung kiến thức: Dự kiến từ 01/08/2020 đến 31/08/2020.

- Ngày thi: Dự kiến tháng 9/2020.

Ghi chú: Trong trường thí sinh đăng ký dự thi chưa đủ số lượng hoặc ảnh hưởng bởi các nguyên nhân khách quan khác, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường sẽ xem xét và quyết định kéo dài thời gian thu hồ sơ, tổ chức thi tuyển nhưng không quá tháng 12/2020.

- Lệ phí tuyển sinh và học phí:
+ Lệ phí đăng ký dự thi: 60.000 đồng/hồ sơ; Lệ phí thi: 360.000 đồng/thí sinh;
+ Lệ phí ôn thi và học bổ sung kiến thức: Nhà trường sẽ thông báo khi thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự thi;

+ Học phí: Theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Thời gian khai giảng: Dự kiến tháng 09/2020.

- Hình thức đào tạo: Được thực hiện theo hình thức chính quy.

2. Tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Năm 2020, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp tổ chức tuyển sinh đại học hệ chính quy theo các phương thức:

Phương thức 1: Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020.

Đối tượng và điều kiện xét tuyển:

- Thí sinh tham dự thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 và có đăng ký sử dụng kết quả để xét tuyển đại học;

- Đủ điều kiện tốt nghiệp THPT theo quy định;

- Đạt ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Chỉ tiêu tuyển sinh, ngành và tổ hợp môn xét tuyển: Dành tối đa 70% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh được xác định để xét tuyển theo phương thức này.

Chi tiết trong bảng tổng hợp Mục 2.6.

Xác định điểm trúng tuyển (ĐTT)

- Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 (không có môn nhân hệ số).

- ĐTT = ĐXT + ĐUT, trong đó:

+ ĐTT: Điểm trúng tuyển;

+ ĐXT: Điểm xét tuyển được xác định bằng tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp môn đăng ký xét tuyển;

+ ĐUT: Điểm ưu tiên theo quy định hiện hành trong Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ GD&ĐT.

Hồ sơ tuyển sinh: Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Bộ GD&ĐT.

Lịch tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Tuyển sinh đợt 1:* Dự kiến tháng 9/2020;

- *Tuyển sinh bổ sung đợt 1:* Dự kiến tháng 10/2020.

Cách thức đăng ký xét tuyển: Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thí sinh có nguyện vọng học tập tại cơ sở Hà Nội của Nhà trường ghi mã đăng ký xét tuyển DKK vào sau mã ngành chuẩn.

- Thí sinh có nguyện vọng học tập tại cơ sở Nam Định của Nhà trường ghi mã đăng ký xét tuyển DKD vào sau mã ngành chuẩn.

Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học bạ THPT

Đối tượng và điều kiện xét tuyển:

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Dựa vào kết quả học bạ THPT để xét tuyển, cụ thể: Điểm trung bình của 3 năm học (điểm tổng kết lớp 10, điểm tổng kết lớp 11 và điểm tổng kết lớp 12) của các môn trong tổ hợp xét tuyển theo công thức: $ĐXT = M_1 + M_2 + M_3$, trong đó:
 - + ĐXT: Điểm xét tuyển.
 - + M_1 là điểm trung bình các môn tổ hợp lớp 10; M_2 là điểm trung bình các môn tổ hợp lớp 11; M_3 là điểm trung bình các môn tổ hợp lớp 12.
- Hạnh kiểm cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 đạt loại Khá trở lên.

Chỉ tiêu tuyển sinh, ngành tuyển sinh và tổ hợp môn xét tuyển: Dành tối thiểu 30% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh được xác định để xét tuyển theo phương thức này.

Chi tiết trong bảng tổng hợp Mục 2.6.

Xác định điểm trúng tuyển

Điểm trúng tuyển được xác định: $ĐTT = ĐXT + ĐUT$, trong đó:

- ĐTT: Điểm trúng tuyển;
- ĐXT: Điểm xét tuyển;
- ĐUT: Điểm ưu tiên theo quy định hiện hành trong Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hồ sơ đăng ký xét tuyển

- 01 Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Nhà trường (thí sinh lấy trên website: www.uneti.edu.vn khi Nhà trường triển khai thông báo thu hồ sơ xét tuyển);
- 01 bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với học sinh tốt nghiệp năm 2020;
- 01 bản sao công chứng Học bạ THPT;
- 01 bản sao công chứng Chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân;
- 01 phong bì đã dán tem ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh để Nhà trường thông báo kết quả;
- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

Thời gian và cách thức đăng ký xét tuyển: Theo quy định của Bộ GD&ĐT và theo thông báo trong từng đợt xét tuyển được Nhà trường đăng tải trên trang thông tin điện tử theo địa chỉ www.uneti.edu.vn

Phương thức khác: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, xét tuyển đối với các thí sinh có kết quả thi từ các trường đại học khác: Nhà trường triển khai tổ chức tuyển sinh bằng phương thức này theo quy định hiện hành và thông báo tuyển sinh sẽ được đăng tải trên hệ thống website: www.tuyensinh.uneti.edu.vn

Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

a) Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số QĐ mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	7540204	Công nghệ dệt, may	3003/QĐ-BGDĐT	29/05/2008	Bộ GD&ĐT	2008	2019
2	7540202	Công nghệ sợi, dệt	6397/QĐ-BGDĐT	10/04/2007	Bộ GD&ĐT	2007	2019
3	7540101	Công nghệ thực phẩm	6397/QĐ-BGDĐT	10/04/2007	Bộ GD&ĐT	2007	2019
4	7510303	CNKT điều khiển và tự động hoá	1766/QĐ-BGDĐT	21/05/2013	Bộ GD&ĐT	2013	2019
5	7510302	CNKT điện tử – VT	3003/QĐ-BGDĐT	29/05/2008	Bộ GD&ĐT	2008	2019
6	7510301	CNKT điện, điện tử	6397/QĐ-BGDĐT	10/04/2007	Bộ GD&ĐT	2007	2019
7	7510203	CNKT cơ - điện tử	348/QĐ-ĐHKTKTCN	02/07/2018	ĐHKTKTCN	2018	2019
8	7510201	CNKT cơ khí	3003/QĐ-BGDĐT	29/05/2008	Bộ GD&ĐT	2008	2019
9	7480201	Công nghệ thông tin	3003/QĐ-BGDĐT	29/05/2008	Bộ GD&ĐT	2008	2019
10	7480102	Mạng máy tính và TTDL	347/QĐ-ĐHKTKTCN	02/07/2018	ĐHKTKTCN	2018	2019
11	7340301	Kế toán	6397/QĐ-BGDĐT	10/04/2007	Bộ GD&ĐT	2007	2019
12	7340201	Tài chính - Ngân hàng	3003/QĐ-BGDĐT	29/08/2008	Bộ GD&ĐT	2008	2019
13	7340121	Kinh doanh thương mại	262/QĐ-ĐHKTKTCN	06/06/2017	ĐHKTKTCN	2017	2019

14	7340101	Quản trị kinh doanh	6397/QĐ-BDGĐT	10/04/2007	Bộ GD&ĐT	2007	2019
15	7220201	Ngôn ngữ Anh	151/QĐ-ĐHKTKTCN	12/04/2019	ĐHKTKTCN	2019	2019

b) *Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo:*

TT	Mã ngành chuẩn	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)	
			Theo xét KQ thi TN THPT	Theo phương thức khác
1	7540204	Công nghệ dệt, may	200	85
2	7540202	Công nghệ sợi, dệt	25	10
3	7540101	Công nghệ thực phẩm	119	51
4	7510303	CNKT điều khiển và tự động hoá	227	98
5	7510302	CNKT điện tử – viễn thông	192	83
6	7510301	CNKT điện, điện tử	230	100
7	7510203	CNKT cơ - điện tử	122	52
8	7510201	CNKT cơ khí	231	99
9	7480201	Công nghệ thông tin	420	180
10	7480102	Mạng máy tính và TTDL	92	39
11	7340301	Kế toán	630	270
12	7340201	Tài chính - Ngân hàng	246	106
13	7340121	Kinh doanh thương mại	105	45
14	7340101	Quản trị kinh doanh	420	180
15	7220201	Ngôn ngữ Anh	148	63
Cộng			3.407	1.461

Ghi chú: Các tổ hợp môn có giá ngang nhau trong cùng đợt xét tuyển; Các môn trong tổ hợp xét tuyển cũng có giá trị ngang nhau, không có môn nào nhân hệ số.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Thí sinh đăng ký xét tuyển bằng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển bằng kết quả học bạ THPT:

+ Cơ sở Hà Nội (mã tuyển sinh DKK): Điểm xét tuyển (ĐXT) \geq 18 điểm.

+ Cơ sở Nam Định (mã tuyển sinh DKD): Điểm xét tuyển (ĐXT) \geq 16 điểm.

Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

TT	Mã ngành theo cơ sở đào tạo	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển	
			Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT	Xét kết quả học bạ THPT		
I	Cơ sở Hà Nội, mã tuyển sinh: DKK		2.385	1.023		
1	7540101DKK	Công nghệ thực phẩm	83	36	A00; A01; B00 và D01	
2	7220201DKK	Ngôn ngữ Anh	104	44	A01 và D01	
3	7540202DKK	Công nghệ sợi, dệt	18	7	A00; A01; C01 và D01	
4	7540204DKK	Công nghệ dệt, may	140	60		
5	7480201DKK	Công nghệ thông tin	294	126		
6	7480102DKK	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	64	28		
7	7510301DKK	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	161	69		
8	7510303DKK	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	159	68		
9	7510302DKK	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	135	58		
10	7510201DKK	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	162	69		
11	7510203DKK	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	85	37		
12	7340301DKK	Kế toán	441	189		
13	7340101DKK	Quản trị kinh doanh	294	126		
14	7340121DKK	Kinh doanh thương mại	73	32		
15	7340201DKK	Tài chính - Ngân hàng	172	74		
II	Cơ sở Nam Định, mã tuyển sinh: DKD		1.022	438		
1	7540101DKD	Công nghệ thực phẩm	36	15		A00; A01; B00 và D01
2	7220201DKD	Ngôn ngữ Anh	44	19	A01 và D01	
3	7540202DKD	Công nghệ sợi, dệt	7	3	A00; A01; C01 và D01	
4	7540204DKD	Công nghệ dệt, may	60	25		
5	7480201DKD	Công nghệ thông tin	126	54		
6	7480102DKD	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	27	12		
7	7510301DKD	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	70	30		
8	7510303DKD	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	69	29		
9	7510302DKD	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn	57	25		

		thông			
10	7510201DKD	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	69	30	
11	7510203DKD	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	36	16	
12	7340301DKD	Kế toán	189	81	
13	7340101DKD	Quản trị kinh doanh	126	54	
14	7340121DKD	Kinh doanh thương mại	32	13	
15	7340201DKD	Tài chính - Ngân hàng	74	32	
Cộng			3.407	1.461	

Ký hiệu các tổ hợp môn:

- A00: Toán - Vật lí - Hóa học;
- A01: Toán - Vật lí - Anh văn;
- B00: Toán - Sinh học - Hóa học;
- C01: Toán - Vật lí - Ngữ văn;
- D01: Toán - Anh văn - Ngữ văn.

Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: Các tổ hợp môn xét tuyển có giá trị ngang nhau trong cùng đợt xét tuyển.

Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

Nhà trường triển khai tổ chức tuyển sinh theo đúng quy định hiện hành và quy định trong thông báo tuyển sinh đăng tải trên hệ thống website: www.tuyensinh.uneti.edu.vn theo từng đợt xét tuyển.

Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

- Thí sinh trúng tuyển nhập học được hưởng học bổng khuyến khích học tập, chính sách ưu tiên, ưu đãi theo quy định hiện hành;

- Thí sinh được tùy ý lựa chọn địa điểm học tập tại cơ sở Hà Nội hoặc cơ sở Nam Định của Nhà trường theo nhu cầu của cá nhân;

- Ưu tiên điểm xét tuyển **thấp hơn** và miễn phí 500 chỗ ở KTX năm học 2020 - 2021 cho thí sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nguyện vọng học tập tại cơ sở Nam Định.

- Năm học 2020 - 2021 Nhà trường áp dụng chính sách cấp “*Học bổng khuyến khích tài năng*” và “*Học bổng hỗ trợ học tập*” cho thí sinh trúng tuyển và nhập học trong kỳ tuyển sinh năm 2020, nhằm khuyến khích những thí sinh có thành tích xuất sắc trong học tập, đồng thời tạo điều kiện cho những thí sinh có hoàn cảnh khó khăn có cơ hội và yên tâm học tập tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, cụ thể:

+ Cấp 10 suất học bổng khuyến khích tài năng (học bổng KKTN) - Nhóm 1 với mức bằng 140% học phí theo chương trình đào tạo chuẩn;

+ Cấp 20 suất học bổng khuyến khích tài năng (học bổng KKTN) - Nhóm 2 với mức bằng 120% học phí theo chương trình đào tạo chuẩn;

+ Cấp 100 suất học bổng khuyến khích tài năng (học bổng KKTN) - Nhóm 2 với mức bằng 100% học phí theo chương trình đào tạo chuẩn;

+ Cấp 350 suất học bổng hỗ trợ học tập (học bổng HTHT) với mức 50% học phi theo chương trình đào tạo chuẩn;

+ Cấp 450 suất học bổng hỗ trợ học tập (học bổng HTHT) với mức 25% học phi theo chương trình đào tạo chuẩn;

Số lượng suất học bổng được phân chia cho các ngành như sau:

TT	Ngành	Số suất học bổng dự kiến					Cộng
		Học bổng KKTN			Học bổng HTHT		
		Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 1	Nhóm 2	
1	Kế toán	1	2	10	45	45	103
2	Quản trị kinh doanh	1	1	8	35	42	87
3	Tài chính - Ngân hàng	1	2	8	35	40	86
4	Kinh doanh thương mại	0	1	5	15	20	41
5	Công nghệ sợi, dệt	0	1	4	10	15	30
6	Công nghệ dệt, may	0	1	7	20	30	58
7	Công nghệ thực phẩm	0	2	5	20	30	57
8	Công nghệ thông tin	1	1	7	30	32	71
9	CN kỹ thuật ĐK và tự động hóa	1	1	7	30	32	71
10	CN kỹ thuật điện, điện tử	1	1	5	10	20	37
11	CN kỹ thuật điện tử - viễn thông	1	3	12	40	52	108
12	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	1	1	7	30	32	71
13	Mạng MT và truyền thông dữ liệu	1	1	5	10	20	37
14	CN kỹ thuật cơ điện tử	1	1	5	10	20	37
15	Ngôn ngữ Anh	0	1	5	10	20	36
Cộng		10	20	100	350	450	930

Mức kinh phí cụ thể cho các suất học bổng:

Loại học bổng	Số suất	Mức học bổng /suất/tháng (đồng)	Mức học bổng /suất/học kỳ (đồng)	Tổng cộng học bổng cấp cho SV (đồng)
Học bổng KKTN - Nhóm 1	10	2,240,000	11,200,000	112,000,000
Học bổng KKTN - Nhóm 2	20	1,920,000	9,600,000	192,000,000
Học bổng KKTN - Nhóm 3	100	1,600,000	8,000,000	800,000,000
Học bổng HTHT - Nhóm 1	350	800,000	4,000,000	1,400,000,000
Học bổng HTHT - Nhóm 2	450	400,000	2,000,000	900,000,000
Tổng cộng	930			3.404.000.000

Ghi chú: Chi tiết nội dung về điều kiện xét học bổng được quy định tại Thông báo số 185/TB-ĐHKTKTCN ngày 13/04/2020 của Hiệu trưởng Nhà trường.

Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Lệ phí tuyển sinh được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước với mức thu 30.000 đồng/nguyên vọng.

Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Nhà trường thực hiện cơ chế thu, quản lý học phí theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 và quy định tại Quyết định số 618/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. Mức thu học phí bình quân tối đa của chương trình đại trà trình độ đại học chính quy như sau:

Đơn vị: triệu đồng/sinh viên/năm học

Nội dung	Giai đoạn 2018 - 2020		
	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021
Mức thu học phí bình quân tối đa (của chương trình đại trà, trình độ đại học hệ CQ)	15,00	16,00	16,00

Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành). Căn cứ vào điều kiện thực tế, Nhà trường sẽ thông báo cụ thể trong từng đợt xét tuyển và không trái với các quy định hiện hành.

Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học

Tên doanh nghiệp, các nội dung hợp tác giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp đối tác và trách nhiệm của mỗi bên; trách nhiệm đảm bảo việc làm sinh viên sau tốt nghiệp.

TT	Tên doanh nghiệp	Nội dung hợp tác	Trách nhiệm đảm bảo việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp	Ghi chú
1	Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam	- Đào tạo và cung ứng lực lượng lao động cho VNPT; - Tuyên truyền quảng bá thương hiệu, chia sẻ thông tin - Hỗ trợ và cung cấp dịch vụ phục vụ đào tạo, nghiên cứu, quản lý hệ thống cho UNETI	- Căn cứ vào yêu cầu hoặc đơn đặt hàng của VNPT, VNPT ưu tiên tuyển dụng sinh viên có kết quả học tập tốt tại UNETI và phù hợp với các quy định, quy trình tuyển dụng của VNPT	
2	Công ty Cổ phần Đào tạo Ứng dụng Aprotrain	- Công ty CP Đào tạo ứng dụng Aprotrain xây dựng các chương trình đào tạo ngắn hạn về lĩnh vực CNTT theo định hướng nghề nghiệp và nhu	- Hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho sinh viên tốt nghiệp	

		<p><i>cầu của sinh viên (giai đoạn 1)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty CP Đào tạo ứng dụng Aprotrain xây dựng các chương trình đào tạo tiên tiến dài hạn kết hợp giữa nội dung đào tạo theo chương trình Đại học và cập nhật các kiến thức công nghệ trong chương trình Aptech (giai đoạn 2) - Phát triển Khoa học công nghệ cho UNETI - Tổ chức hội thảo giao lưu 		
3	Công ty TNHH Công nghệ thông tin An Phát	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận sinh viên vào thực tập, làm việc tại Công ty TNHH CNTT An Phát, tạo điều kiện cho sinh viên được tham gia môi trường thực tế, tiếp cận thực tế doanh nghiệp và áp dụng kiến thức đã học vào công việc. - Tổ chức các buổi hội thảo, gặp gỡ, giao lưu giúp sinh viên tìm hiểu môi trường doanh nghiệp, từ đó có định hướng đúng đắn cho sự phát triển kiến thức, kỹ năng... 	- Tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp khi Công ty có nhu cầu theo quy định.	

Tổng số GV cơ hữu quy đổi; tổng số GV thỉnh giảng quy đổi; tổng số chỉ tiêu theo quy định chung; tổng số chỉ tiêu tăng thêm theo quy định đặc thù:

a, Các ngành đào tạo ưu tiên của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển
			Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT	Xét kết quả học bạ THPT	
1	7480201	Công nghệ thông tin	420	180	A00; A01;
2	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	92	39	C01 và D01
Cộng			512	219	

b, Tổng số GV cơ hữu quy đổi; tổng số GV thỉnh giảng quy đổi;

T	Khối ngành	Mã ngành	GS.TS/GS.TSKH	PGS.TS/P GS.TSKH	TS/TSKH	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng
I. Giảng viên cơ hữu quy đổi								
1	Công nghệ thông tin	7480201	0	0	3	35	7	45
2	Mạng máy tính và TTDL	7480102	0	0	1	5	0	6

II. Giảng viên thỉnh giảng quy đổi								
1	Công nghệ thông tin	7480201	0	1	5	23	0	29
2	Mạng máy tính và TTDL	7480102	0	0	0	7	0	7

2.12.3 Các thông tin khác triển khai áp dụng cơ chế đặc thù trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học (không trái quy định hiện hành): Thực hiện theo quy chế, quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

Năm tuyển sinh 2018

TT	Nhóm ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh đại học	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh
1.	Khối ngành III	2.450	2.469	2.003	91.1
2.	Khối ngành V	2.550	2.649	2.320	90.8
2	Khối VII	0	0	0	0
	Tổng	5.000	5.118	4.323	90.9

Năm tuyển sinh 2019

TT	Nhóm ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh đại học	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh
1.	Khối ngành III	1.900	1.968	1.843	92.5
2.	Khối ngành V	3.100	3.177	2.478	92.2
2	Khối VII	0	0	0	0
	Tổng	5.000	5.145	4.321	92.3

1.14. Tài chính:

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 221.000 triệu đồng.
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh:

14,3 triệu đồng/sinh viên/năm.

3. Tuyển sinh đại học hệ vừa làm vừa học

Đối tượng tuyển sinh:

- Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế, có đủ các điều kiện dưới đây đều được dự xét tuyển đại học hình thức vừa làm vừa học của Nhà trường:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, đại học.

Trường hợp người đã có bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT hoặc trong chương trình đào tạo TCCN (dành cho đối tượng đã tốt nghiệp trung học cơ sở) theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với những người tàn tật, khuyết tật, tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học, hiệu trưởng xem xét, quyết định.

Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Năm 2020, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp tổ chức tuyển sinh đại học hệ vừa làm vừa học theo 2 phương thức:

Phương thức 1: Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020.

Đối tượng và điều kiện xét tuyển:

- Thí sinh tham dự thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 và có đăng ký sử dụng kết quả để xét tuyển đại học;

- Đủ điều kiện tốt nghiệp THPT theo quy định;

Chỉ tiêu tuyển sinh, ngành và tổ hợp môn xét tuyển

Chi tiết trong bảng tổng hợp Mục 3.4.

Xác định điểm trúng tuyển (ĐTT)

- Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 (không có môn nhân hệ số).

- ĐTT = ĐXT + ĐUT, trong đó:

+ ĐTT: Điểm trúng tuyển;

+ ĐXT: Điểm xét tuyển được xác định bằng tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp môn đăng ký xét tuyển;

+ ĐUT: Điểm ưu tiên theo quy định hiện hành trong Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT.

Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học bạ THPT

Đối tượng và điều kiện xét tuyển:

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

- Dựa vào kết quả học bạ THPT để xét tuyển, cụ thể: Điểm trung bình của 3 năm học (điểm tổng kết lớp 10, điểm tổng kết lớp 11 và điểm tổng kết lớp 12) của các môn trong tổ hợp xét tuyển theo công thức: ĐXT = M₁ + M₂ + M₃, trong đó:

+ ĐXT: Điểm xét tuyển.

+ M₁ là điểm trung bình các môn tổ hợp lớp 10; M₂ là điểm trung bình các môn tổ hợp lớp 11; M₃ là điểm trung bình các môn tổ hợp lớp 12.

- Hạnh kiểm cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 đạt loại Trung bình trở lên.

Chỉ tiêu tuyển sinh, ngành tuyển sinh và tổ hợp môn xét tuyển

Chi tiết trong bảng tổng hợp Mục 3.4.

Xác định điểm trúng tuyển

Điểm trúng tuyển được xác định: ĐTT = ĐXT + ĐUT, trong đó:

- ĐTT: Điểm trúng tuyển;
 - ĐXT: Điểm xét tuyển;
 - ĐUT: Điểm ưu tiên theo quy định hiện hành trong Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chỉ tiêu tuyển sinh:

a) Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1	7540204	Công nghệ dệt, may	3003/QĐ-BGDĐT	29/05/2008	Bộ GD&ĐT	2008
2	7540202	Công nghệ sợi, dệt	6397/QĐ-BGDĐT	10/04/2007	Bộ GD&ĐT	2007
3	7540101	Công nghệ thực phẩm	6397/QĐ-BGDĐT	10/04/2007	Bộ GD&ĐT	2007
4	7510303	CNKT điều khiển và tự động hoá	1766/QĐ-BGDĐT	21/05/2013	Bộ GD&ĐT	2013
5	7510302	CNKT điện tử - VT	3003/QĐ-BGDĐT	29/05/2008	Bộ GD&ĐT	2008
6	7510301	CNKT điện, điện tử	6397/QĐ-BGDĐT	10/04/2007	Bộ GD&ĐT	2007
7	7510203	CNKT cơ - điện tử	348/QĐ-ĐHKTKTCN	02/07/2018	ĐHKTKTCN	2018
8	7510201	CNKT cơ khí	3003/QĐ-BGDĐT	29/05/2008	Bộ GD&ĐT	2008
9	7480201	Công nghệ thông tin	3003/QĐ-BGDĐT	29/05/2008	Bộ GD&ĐT	2008
10	7480102	Mạng máy tính và TTDL	347/QĐ-ĐHKTKTCN	02/07/2018	ĐHKTKTCN	2018
11	7340301	Kế toán	6397/QĐ-BGDĐT	10/04/2007	Bộ GD&ĐT	2007
12	7340201	Tài chính - Ngân hàng	3003/QĐ-BGDĐT	29/08/2008	Bộ GD&ĐT	2008
13	7340121	Kinh doanh thương mại	262/QĐ-ĐHKTKTCN	06/06/2017	ĐHKTKTCN	2017
14	7340101	Quản trị kinh doanh	6397/QĐ-BGDĐT	10/04/2007	Bộ GD&ĐT	2007
15	7220201	Ngôn ngữ Anh	151/QĐ-ĐHKTKTCN	12/04/2019	ĐHKTKTCN	2019

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển
1	7540101	Công nghệ thực phẩm	25	A00; A01; B00 và D01
2	7540202	Công nghệ sợi, dệt	25	A00; A01; C01 và D01
3	7540204	Công nghệ dệt, may	100	
4	7480201	Công nghệ thông tin	100	
5	7480102	Mạng máy tính và TTDL	50	
6	7510301	CNKT điện, điện tử	50	
7	7510303	CNKT điều khiển và TĐH	50	
8	7510302	CNKT điện tử - viễn thông	25	
9	7510201	CNKT cơ khí	50	
10	7510203	CNKT cơ điện tử	25	
11	7340301	Kế toán	100	
12	7340101	Quản trị kinh doanh	100	
13	7340121	Kinh doanh thương mại	50	
14	7340201	Tài chính - Ngân hàng	50	
15	7220201	Ngôn ngữ Anh	50	
Cộng			850	

Ký hiệu các tổ hợp môn:

- A00: Toán - Vật lí - Hóa học;
- A01: Toán - Vật lí - Anh văn;
- B00: Toán - Sinh học - Hóa học;
- C01: Toán - Vật lí - Ngữ văn;
- D01: Toán - Anh văn - Ngữ văn.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Thí sinh đăng ký xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT phải đạt ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển bằng kết quả học bạ THPT phải có Điểm xét tuyển (ĐXT) ≥ 16 điểm.

Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

Các tổ hợp môn xét tuyển có giá trị ngang nhau trong cùng đợt xét tuyển.

Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

Thời gian và cách thức đăng ký xét tuyển:

- Nhà trường triển khai tổ chức tuyển sinh theo đúng quy định hiện hành và quy định trong thông báo tuyển sinh đăng tải trên hệ thống website: www.tuyensinh.uneti.edu.vn theo từng đợt xét tuyển.

Hồ sơ đăng ký xét tuyển

- 01 Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Nhà trường (thí sinh lấy trên website: www.uneti.edu.vn khi Nhà trường triển khai thông báo thu hồ sơ xét tuyển);

- 01 bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với học sinh tốt nghiệp năm 2020;

- 01 bản sao công chứng Học bạ THPT hoặc 01 bản sao công chứng Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 (đối với thí sinh xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020)

- 01 bản sao công chứng Chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân;

- 01 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh để Nhà trường thông báo kết quả;

- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

Chính sách ưu tiên: Thí sinh được tùy ý lựa chọn địa điểm học tập tại cơ sở Hà Nội hoặc cơ sở Nam Định của Nhà trường theo nhu cầu của cá nhân;

Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Lệ phí tuyển sinh được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước

Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Nhà trường sẽ có quy định chi tiết và đăng tải trên hệ thống website khi triển khai thông báo thu hồ sơ ĐKXT.

Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): Căn cứ vào điều kiện thực tế, Nhà trường sẽ thông báo cụ thể trong từng đợt xét tuyển và không trái với các quy định hiện hành...

Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- *Tuyển sinh đợt 1:* Dự kiến tháng 9/2020;

- *Tuyển sinh bổ sung đợt 1:* Dự kiến tháng 10/2020.

Địa chỉ liên hệ và nộp hồ sơ ĐKXT: Phòng Tuyển sinh và Truyền thông

- Phòng 109 nhà HA3, khu giảng đường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp - ngõ 454, Phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

- Tầng 1 nhà HA8, khu giảng đường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp - Số 218 Đường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

- Tầng 1 nhà NA2, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp - Số 353, Trần Hưng Đạo, TP. Nam Định.

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2020

Cán bộ kê khai

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

ThS Lê Mạnh Thắng

ĐT: 0969697999

Email: lmthang@uneti.edu.vn

TS Trần Hoàng Long